

BẢNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ TRƯỜNG THPT AN DƯƠNG
(*Tính đến thời điểm 20/10/2023*)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học	100			
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)			Đã ban hành	Điều kiện bắt buộc
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến			Đã ban hành	Điều kiện bắt buộc
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên)	30	<i>Tối đa 6 điểm</i>	- Đã triển khai phần mềm dạy học trực tuyến dạng miễn phí: Zoom, google meet, team. Mới dùng ở mức độ đơn giản: GV tổ chức dạy học dưới dạng cuộc họp. Tự Chấm điểm: 4 điểm	Đường link
	- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.		<i>Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tối đa 6 điểm.</i>	- Đối với LMS: đã tham gia hệ thống bồi dưỡng chuyên môn trực tuyến do Sở cung cấp - chỉ với giáo viên. Còn đối với học sinh thì chưa có - Đối với LCMS: chưa có. Các nội dung (1), (2), (3), (4) chưa triển khai thực hiện. Nhà trường đã từng sử dụng (dùng thử) app onluyen.net - trên nền tảng web đối với LMS/LCMS, tuy nhiên đến nay đã dừng lại. Nếu tiếp tục thì phải có nguồn kinh phí (từ nhà trường - quản trị, từ học sinh - phí sử dụng). Tự chấm điểm: 2 điểm. Mục 1.3 tổng 6 điểm Đạt mức độ 1	

1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	<p>- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm.</p> <p>- Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm.</p> <p>- Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm</p>	<p>Đã triển khai số hóa học liệu (giáo viên đưa kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy đưa được tổ nhóm chuyên môn thông qua, phê duyệt lên hệ thống quản lý chuyên môn của Sở.</p> <p>Tuy nhiên chưa có hệ thống học liệu dạng tài liệu tham khảo.</p> <p>Tự chấm điểm: 8 điểm. Đạt mức độ 3</p>	Đường link và số lượng học liệu
1.5.	<p>Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)</p> <p>Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường</p>	20	<p>Tối đa 15 điểm</p> <p>Tối đa 5 điểm</p>	<p>Chưa triển khai</p> <p>Chưa triển khai.</p> <p>Tự chấm điểm 0 điểm. Đạt mức độ 1</p>	Quy chế /Kế hoạch /văn bản triển khai
1.6.	<p>Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số:</p> <p>- Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu</p> <p>- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học</p>	20	<p>< 30%: tối đa 2 điểm;</p> <p>30%-60%: tối đa 4 điểm;</p> <p>> 60%: tối đa 7 điểm</p> <p>< 30%: tối đa 2 điểm;</p> <p>30%-60%: tối đa 4</p>	<p>100% giáo viên có tài khoản sử dụng trên hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến.</p> <p>(tài khoản trên hệ thống bồi dưỡng do Sở cung cấp)</p> <p>Tự chấm điểm: 7 điểm</p> <p>100% giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ dạy học.</p> <p>Tự chấm điểm: 7 điểm</p>	

			điểm; > 60%: tối đa 7 điểm		
	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		< 30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; > 60%: tối đa 6 điểm	100% giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử. Tự chấm điểm: 6 điểm. Mục 1.6 tổng 20 điểm. Đạt mức độ 3	
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	< 20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; > 60%: tối đa 8 điểm	35 phòng học được trang bị TV/máy chiếu, máy tính kết nối internet. Tự chấm điểm: 5 điểm	
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học[1]		Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm	Tự chấm: 5 điểm. Đạt mức độ 2 (mỗi HS đc sử dụng 1 máy tính)	
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc		Tối đa 5	Chưa có phòng Studio. Tự chấm 0 điểm	

	xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		<i>điểm</i>	Mục 1.7 tổng 10 điểm. Đạt mức độ 2	
2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100			
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)			Đã thành lập Ban chỉ đạo	Điều kiện bắt buộc
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số			Đã ban hành	Điều kiện bắt buộc
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	70	<i>Tối đa 6 điểm</i>	Đã triển khai phần mềm quản trị nhà trường (Hệ thống quản lý CSDL - do Sở cấp) Tự chấm 6 điểm Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20-50 điểm Mức độ 3 : trên 50 điểm	Đường link/ Quy chế/ văn bản hướng dẫn
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		<i>Tối đa 6 điểm</i>	Đã triển khai (Quản lý CSDL). Tự chấm 6 điểm	
	- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử		<i>File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm</i>	Đã triển khai. (file PDF), chưa có chứng thư số. Tự chấm 3 điểm	
	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV		<i>Tối đa 6 điểm</i>	Đã triển khai (triển khai ở mức độ cập nhật thông tin CSDL cá nhân lên hệ thông). Tự chấm 6 điểm	
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất		<i>Tối đa 10 điểm</i>	Chưa triển khai. Tự chấm 0 điểm	

	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh		<i>Tối đa 10 điểm</i>	Chưa triển khai. Tự chấm 0 điểm	
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		<i>Tối đa 6 điểm</i>	Chưa triển khai. Tự chấm 0 điểm	
	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)		<i>Tối đa 6 điểm</i>	Đã triển khai. Tự chấm 6 điểm Mục 2.3 tổng 27 điểm. Đạt mức độ 2	
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)	30	<i>Tối đa 8 điểm</i>	Đã triển khai (enet viet, zalo, web). Tự chấm 6 điểm	Đường link/ Quy chế/ Văn bản
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:		<i>Tối đa 12 điểm</i>	Chưa triển khai. Tự chấm 0 điểm	
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		<i>Tối đa 10 điểm</i>	Chưa triển khai. Tự chấm 0 điểm Mục 2.4 tổng 6 điểm. Đạt mức độ 1	

Tổng hợp:

1. Tiêu chí chuyển đổi số trong dạy, học gồm:

- + Tiêu chí 1.3 Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: tổng 6 điểm - Đạt mức độ 1 - Chưa đáp ứng;
- + Tiêu chí 1.4 Số hóa học liệu: tổng 8 điểm - Đạt mức độ 3 - Đáp ứng tốt;
- + Tiêu chí 1.5 Tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh trên phòng máy, sử dụng máy tính có kết nối với hệ thống quản trị nhà trường: tổng 0 điểm - Đạt mức độ 1 - Chưa đáp ứng;
- + Tiêu chí 1.6 Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: tổng 20 điểm - Đạt mức độ 3 - Đáp ứng tốt;
- + Tiêu chí 1.7 Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: tổng 10 điểm - Đạt mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản;

2. Tiêu chí chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục gồm:

- + Tiêu chí 2.3 Triển khai phần mềm quản trị nhà trường: tổng 27 điểm - Đạt mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản;
- + Tiêu chí 2.4 Triển khai dịch vụ trực tuyến: tổng 6 điểm - Đạt mức độ 1 - Chưa đáp ứng.